

Bản án số: 25/ 2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8- 2020

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Tâm

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng B - sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Anh H - sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện T, Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt chị B, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng B trình bày: Chị và anh Lê Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2002 ngày 19 tháng 12 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh H nghiện rượu, suốt ngày say sưa rồi chửi, đánh đuổi vợ con.. Gia đình đã đưa anh H đi cai rượu nhưng anh vẫn không bỏ được rượu. Từ tháng 6 /2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh H về ở với bố mẹ đẻ ở phố G, thị trấn T. Từ tháng 7/ 2020 đến nay anh H đi làm bảo vệ cho nhà hàng ở Hà Nội, mỗi tháng anh H về nhà vài lần. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị B xét thấy vợ chồng không còn tình

cảm, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Tuấn A sinh ngày 22/11/2003 và cháu Lê Thị Anh T sinh ngày 24/6/2015. Các cháu đang ở với mẹ. Các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, chăm sóc chu đáo. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Hiện nay, anh H đi làm xa, điều kiện sức khỏe, thu nhập không ổn định nên chị không đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm việc tại nhà, buôn bán mỹ phẩm, spa và làm tóc thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ/tháng, chị có sức khỏe tốt, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2020, bị đơn là anh Lê Anh H trình bày: Anh và chị B xây dựng gia đình trên tinh thần tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T tháng 12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh đã không làm được gì lại rượu chè, thỉnh thoảng bị xúc phạm nên có đánh vợ con trong lúc say. Anh mong muốn vợ chồng hòa hợp, nếu chị B cương quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

Vợ chồng có hai con chung như chị B trình bày. Cháu Tuấn A đã lớn cháu ở với ai tùy cháu quyết định, còn cháu Anh T còn nhỏ lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ và nguyện vọng của chị B muốn nuôi con nên anh chấp nhận cho chị B nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không lấy gì để lại cho vợ nuôi con và trả nợ. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 16/7/2020 tại UBND xã T, huyện T thể hiện: Chị B và anh H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 19/12/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh H hay uống rượu chửi mắng vợ con. Địa phương đã hòa giải nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị B có 02 con chung, các cháu đang ở với mẹ. Anh H lao động tự do, hay uống rượu, sức khỏe, công việc không ổn định nên việc nuôi con sẽ gặp khó khăn. Chị B làm nghề cắt tóc, spa, buôn bán tại nhà, có thu nhập, có sức khỏe, có điều kiện chăm sóc con cái tốt hơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Về hôn nhân áp dụng Điều 56 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, xử cho chị được ly hôn anh H. Về con chung áp

dụng Điều 81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị B khởi kiện xin ly hôn anh H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa lần thứ hai, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, chửi, đánh vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị B vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh H cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cho chị B được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Tuấn A sinh ngày 22/11/2003 và cháu Lê Thị Anh T sinh ngày 24/6/2015. Các cháu đang ở với mẹ, khỏe mạnh, điều kiện ăn, ở học hành tốt. Chị B kinh doanh tại nhà, thu nhập ổn định. Anh H đi làm xa, sức khỏe, thu nhập không ổn định, anh cũng đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng. Chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, các cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cả hai cháu cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Hồng B được ly hôn anh Lê Anh H

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Tuấn A

sinh ngày 22/11/2003 và cháu Lê Thị Anh T sinh ngày 24/6/2015. Giao hai cháu cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0004033 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã Thọ Thố;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu